# DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025

## PHÒNG THI B102A - GIỜ THI: 18H00

| STT | HỌ TÊN LÓT | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | MÃ SỐ SV | MÃ LỚP | SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE) | SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC) | ĐIỂM TOEIC (NGHE) | ĐIỂM TOEIC (ĐỌC) | TỔNG ĐIỂM TOEIC | PHÒNG THI |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Hoàng | Dũng | 12/11/2000 | Đồng Nai | 20211DT0586 | CD20DT1 | 60 | 23 | 315 | 45 | **360** | B102A |
| 2 | Trần Mạnh | Dũng | 01/01/2005 | Quảng Ngãi | 23211OT4272 | CD23OT21 | 64 | 28 | 340 | 80 | **420** | B102A |
| 3 | Đào Đức | Dũng | 01/07/2002 | Đăk Lăk | 23211OT3885 | CD23OT3 | 60 | 26 | 315 | 65 | **380** | B102A |
| 4 | Lê Tiến | Dũng | 15/09/2003 | Bình Thuận | 21211OT1277 | CD21OT12 | 74 | 39 | 400 | 145 | **545** | B102A |
| 5 | Nguyễn Quốc | Dũng | 15/04/2003 | BR-VT | 21211CK4748 | CD21CK4 | 74 | 38 | 400 | 140 | **540** | B102A |
| 6 | Nguyễn Tiến | Dũng | 27/11/2005 | Thanh Hóa | 23211CK1745 | CD23CK1 | 48 | 46 | 240 | 190 | **430** | B102A |
| 7 | Hồ Trí | Dũng | 25/09/2004 | Bình Thuận | 22211OT2206 | CD22OT8 | 52 | 34 | 260 | 115 | **375** | B102A |
| 8 | Nguyễn Thành | Duy | 24/04/2004 | Bình Định | 22211CT2511 | CD22CT1 | 39 | 48 | 180 | 200 | **380** | B102A |
| 9 | Lê Vũ | Duy | 21/09/2005 | Bình Định | 23211OT0684 | CD23OT7 | 62 | 27 | 325 | 70 | **395** | B102A |
| 10 | Ngô Nguyễn Quốc | Duy | 09/07/2002 | Bình Định | 20211LG1434 | CD20LG1 | 57 | 26 | 295 | 65 | **360** | B102A |
| 11 | Nguyễn Tiến | Duy | 04/11/2005 | Vĩnh Long | 23211KS1058 | CD23KS1 | 50 | 86 | 250 | 425 | **675** | B102A |
| 12 | Vũ Đức | Duy | 20/05/2004 | Đồng Nai | 22211OT3967 | CD22OT18 | 43 | 80 | 200 | 395 | **595** | B102A |
| 13 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 13/11/2003 | Bình Phước | 21211KT1743 | CD21KT2 | 57 | 63 | 295 | 290 | **585** | B102A |
| 14 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 21/12/2005 | Đăk Lăk | 23211KD2727 | CD23KD1 | 44 | 78 | 210 | 385 | **595** | B102A |
| 15 | Bùi Thị Kim | Duyên | 13/02/2004 | Ninh Thuận | 22211QT3461 | CD22QT3 | 40 | 90 | 185 | 450 | **635** | B102A |
| 16 | Ngô Thị Mỹ | Duyên | 05/05/2003 | Đăk Nông | 22211KD3249 | CD22KD1 | 35 | 70 | 160 | 335 | **495** | B102A |
| 17 | Nguyễn Lê Hậu | Em | 01/11/2002 | Hậu Giang | 21211TM1081 | CD21TM2 | 45 | 80 | 215 | 395 | **610** | B102A |
| 18 | Nguyễn Thị Hương | Giang | 25/12/2004 | Đăk Lăk | 22211KT2468 | CD22KT2 | 46 | 62 | 220 | 285 | **505** | B102A |
| 19 | Trần Đức | Giang | 03/08/2004 | Nam Định | 22211CK0574 | CD22CK1 | 34 | 78 | 150 | 385 | **535** | B102A |

| STT | HỌ TÊN LÓT | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | MÃ SỐ SV | MÃ LỚP | SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE) | SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC) | ĐIỂM TOEIC (NGHE) | ĐIỂM TOEIC (ĐỌC) | TỔNG ĐIỂM TOEIC | PHÒNG THI |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | Nguyễn Thị | Giang | 17/07/2002 | Thanh Hóa | 23211LG0217 | CD23LG1 | 31 | 38 | 135 | 140 | **275** | B102A |
| 21 | Nguyễn Thị Hương | Giang | 19/08/2005 | Bình Phước | 23211KT2600 | CD23KT2 | 23 | 28 | 90 | 80 | **170** | B102A |
| 22 | Võ Thị Kim | Giang | 22/05/2004 | Lâm Đồng | 22211KS1555 | CD22KS1 | 27 | 24 | 115 | 50 | **165** | B102A |
| 23 | Bùi Thị Ngọc | Giàu | 13/02/2005 | Tây Ninh | 23211KT4555 | CD23KT4 | 31 | 66 | 135 | 310 | **445** | B102A |
| 24 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 14/07/2002 | Bình Dương | 20211KT4839 | CD20KT2 | 43 | 77 | 200 | 380 | **580** | B102A |
| 25 | Nguyễn Mạnh | Hà | 28/03/2004 | Tây Ninh | 22211OT4023 | CD22OT18 | 55 | 31 | 280 | 95 | **375** | B102A |
| 26 | Phan Duy | Hải | 15/11/2003 | Đồng Nai | 21211CD1978 | CD21CD1 | 55 | 56 | 280 | 250 | **530** | B102A |
| 27 | Lê Thanh | Hải | 29/11/2003 | Quảng Bình | 22211TT1423 | CD22TT2 | 45 | 52 | 215 | 225 | **440** | B102A |
| 28 | Ngô Phước | Hải | 29/06/2005 | Đồng Tháp | 23211LG4671 | CD23LG4 | 36 | 88 | 165 | 435 | **600** | B102A |
| 29 | Lương Nguyệt | Hằng | 23/05/2005 | Phú Yên | 23211MK1546 | CD23MK4 | 34 | 91 | 150 | 455 | **605** | B102A |
| 30 | Lê Thị Thu | Hằng | 18/08/2004 | Bình Thuận | 23211MK1683 | CD23MK1 | 37 | 46 | 170 | 190 | **360** | B102A |
| 31 | Hồ Thị Thúy | Hằng | 30/10/2005 | Tiền Giang | 23211MK0847 | CD23MK2 | 38 | 63 | 175 | 290 | **465** | B102A |
| 32 | Trần Thị Hồng | Hạnh | 06/08/2001 | Đồng Nai | 23211LH4929 | CD23LH1 | VẮNG | | | | | B102A |
| 33 | Cáp Thị Duy | Hạnh | 25/07/2005 | Bình Định | 23211MK4304 | CD23MK4 | 31 | 75 | 135 | 365 | **500** | B102A |
| 34 | Nguyễn Nhật | Hào | 13/01/2003 | Khánh Hòa | 21211OT2620 | CD21OT5 | 48 | 87 | 240 | 430 | **670** | B102A |
| 35 | Phạm Xuân | Hiển | 27/02/2005 | Thanh Hóa | 23211OT0749 | CD23OT2 | 46 | 79 | 220 | 390 | **610** | B102A |
| 36 | Dương Ngọc | Hiếu | 24/01/2000 | BR-VT | 23211DL0625 | CD23DL2 | 34 | 86 | 150 | 425 | **575** | B102A |
| 37 | Phan Văn | Hiếu | 08/01/2006 | Bình Thuận | 24211OT1542 | CD24OT2 | 38 | 63 | 175 | 290 | **465** | B102A |
| 38 | Nguyễn Hoàng Trung | Hiếu | 27/02/2003 | TP. HCM | 21211DT3877 | CD21DT1 | 34 | 73 | 150 | 355 | **505** | B102A |

| STT | HỌ TÊN LÓT | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | MÃ SỐ SV | MÃ LỚP | SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE) | SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC) | ĐIỂM TOEIC (NGHE) | ĐIỂM TOEIC (ĐỌC) | TỔNG ĐIỂM TOEIC | PHÒNG THI |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Trương Như | Hiếu | 16/07/2003 | Bình Phước | 22211CK3242 | CD22CK2 | 32 | 33 | 140 | 110 | **250** | B102A |
| 40 | Nguyễn Long | Hồ | 11/09/2004 | Bến Tre | 22211OT0681 | CD22OT1 | 36 | 54 | 165 | 235 | **400** | B102A |
| 41 | Đặng Trúc | Hồ | 20/09/2004 | Phú Yên | 22211KD2868 | CD22KD2 | 37 | 87 | 170 | 430 | **600** | B102A |
| 42 | Cái Thụy Thúy | Hòa | 12/08/2004 | TP. HCM | 22211LG4917 | CD22LG1 | 38 | 49 | 175 | 210 | **385** | B102A |
| 43 | Trương Thị Thủy | Hòa | 11/08/2003 | Bình Định | 21211TT4610 | CD21TT10 | 58 | 70 | 300 | 335 | **635** | B102A |
| 44 | Nguyễn Thị | Hoài | 06/01/2002 | Nghệ An | 21211TC5133 | CD21TC1 | 58 | 55 | 300 | 240 | **540** | B102A |
| 45 | Nguyễn Việt | Hoàng | 24/02/2004 | Bắc Giang | 22211OT3982 | CD22OT19 | 60 | 66 | 315 | 310 | **625** | B102A |